

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất
năm 2023 huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2023; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị của UBND huyện Đình Lập tại Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 03/11/2023 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 578/TTr-STNMT ngày 06/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Tổng số công trình, dự án: 06 công trình, dự án.
2. Tổng diện tích đất sử dụng: 441.526,3 m² (làm tròn số 44,15ha).
3. Danh mục chi tiết công trình, dự án: tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố, công khai Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn theo quy định.
2. Thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Đình Lập; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Đình Lập và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT (HVT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Trọng Quỳnh

KÝ HIỆU, MÃ LOẠI ĐẤT

| STT | Loại đất | Mã |
|----------|---|------------|
| 1 | Đất nông nghiệp | NNP |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA |
| 1.1.1 | <i>Đất chuyên trồng lúa nước</i> | <i>LUC</i> |
| 1.1.2 | <i>Đất trồng lúa nước còn lại</i> | <i>LUK</i> |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS |
| 1.8 | Đất nông nghiệp khác | NKH |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | PNN |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK |
| 2.4 | Đất khu chế xuất | SKT |
| 2.5 | Đất cụm công nghiệp | SKN |
| 2.6 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD |
| 2.7 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC |
| 2.8 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS |
| 2.9 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh | DHT |
| 2.9.1 | <i>Đất giao thông</i> | <i>DGT</i> |
| 2.9.2 | <i>Đất thủy lợi</i> | <i>DTL</i> |
| 2.9.3 | <i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i> | <i>DVH</i> |
| 2.10 | Đất có di tích lịch sử - văn hóa | DDT |
| 2.11 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL |
| 2.12 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | ONT |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | ODT |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC |
| 2.16 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS |
| 2.17 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG |
| 2.18 | Đất cơ sở tôn giáo | TON |
| 2.19 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | NTD |
| 2.20 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX |
| 2.21 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH |
| 2.22 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV |
| 2.23 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN |
| 2.24 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON |
| 2.25 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC |
| 2.26 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK |
| 3 | Đất chưa sử dụng | CSD |

* Ghi chú: Ký hiệu, mã loại đất được quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Phụ lục

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN ĐÌNH LẬP

(Kèm theo Quyết định số: 1819/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: m²

| Số TT | Tên dự án | Địa điểm dự án (xã, thị trấn) | Quyết định phê duyệt, VB chấp thuận, GCN đầu tư, Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư... | Quy mô sử dụng đất của dự án | Dự kiến sử dụng từ các loại đất | Ghi chú |
|-------|--|---|--|------------------------------|--|--|
| 1 | Dự án Nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B | Xã Đình Lập | Quyết định số 516/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2023 của Bộ giao thông vận tải về việc phê duyệt Dự án nâng cấp đoạn Km18-Km80, quốc lộ 4B; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh | 161.300,0 | LUK (20.600 m ²), HNK (11.900m ²); CLN (5.200m ²), RSX (47.500m ²), NTS (600m ²), SKC (1.500m ²), DTL (20m ²), DGD (50m ²), ONT (5.400m ²), SON (21.200m ²), CSD (47.330m ²) | Điều chỉnh tên, quy mô dự án và loại đất cần thu hồi |
| 2 | Đất bãi đổ thải Dự án Nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B | Đình Lập, Cường Lợi, Châu Sơn, Bắc Lãng | Quyết định số 516/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2023 của Bộ giao thông vận tải về việc phê duyệt Dự án nâng cấp đoạn Km18-Km80, quốc lộ 4B; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh | 256.100,0 | LUK (4.900 m ²), BHK (24.400m ²); CLN (2.000m ²), RSX (164.700m ²), ONT (800m ²), DGT (3.100m ²), SON (11.300m ²), CSD (44.900m ²) | Điều chỉnh quy mô dự án và loại đất cần thu hồi |
| 3 | Khu Tái định cư Dự án Nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B | Xã Đình Lập | Quyết định số 516/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2023 của Bộ giao thông vận tải về việc phê duyệt Dự án nâng cấp đoạn Km18-Km80, quốc lộ 4B; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh | 21.000,0 | LUK (12.600 m ²), BHK (1.100m ²); NHK (100m ²), CLN (2.900m ²), RSX (500m ²), NTS (300m ²), ONT (2.000m ²), DGT (900m ²), NTD (200m ²), SON (100m ²), DCS (300m ²) | Bổ sung |
| 4 | Công trình Hỗ trợ hạng mục mặt bằng Trường THCS thị trấn Nông Trường Thái Bình | thị trấn Nông Trường Thái Bình | Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Hỗ trợ hạng mục mặt bằng Trường THCS thị trấn Nông Trường Thái Bình; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh | 2.946,3 | NKH (2.496,3m ²), TSN (409m ²) | Điều chỉnh tên, quy mô dự án và loại đất cần thu hồi |

| | | | | | | |
|----------------------------|---|--------------|---|------------------|--|---------|
| 5 | Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Minh Hiệp, Sần Viên, huyện Lộc Bình, xã Thái Bình, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn năm 2023 | Xã Thái Bình | Công văn 1108/PCLS-QLDA+KT ngày 29/5/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn đăng ký danh mục lưới điện hạ áp nông thôn (2024); Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh | 100,0 | LUA (40 m ²), HNK (20m ²), CLN (10m ²), RSX (20m ²), ONT (10m ²) | Bổ sung |
| 6 | Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Lộc Bình, Văn Quan năm 2024 | Xã Châu Sơn | Quyết định số 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2024; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh | 80,0 | LUA (20m ²), HNK (20m ²), CLN (20m ²), ONT (20m ²) | Bổ sung |
| Tổng cộng: 06 dự án | | | | 441.526,3 | | |